TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/DS-PT

Ngày: 26/9/2022

Về việc "Tranh chấp thừa kế".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2022/TLPT-DS ngày 16/8/2022 về "*Tranh chấp thừa kế*".

Do Bản án số 108/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2022/QĐ-PT ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 259/2022/QĐ-PT ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Phạm Văn O, sinh năm 1961; (có mặt)

1.2 Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1968; (có mặt)

1.3 Ông Phạm Hồng L, sinh năm 1973; (vắng mặt)

1.4 Bà Phạm Thị Hồng L1, sinh năm 1976; (vắng mặt)

1.5 Bà Phạm Thị Hồng L2, sinh năm 1977; (vắng mặt)

1.6 Bà Phạm Thị H, sinh năm 1982; (vắng mặt)

1.7 Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp H1, xã B, huyện P3, tỉnh An Giang.

1.8 Bà Phạm Hồng M, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp H2, xã V, huyện P3, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: ông Phạm Văn O (Văn bản uỷ quyền ngày 12/6/2020). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Hồng L3, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp H1, xã B, huyện P3, tỉnh An Giang. (có mặt)

2.2 Ông Phạm Hồng P1, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp M1, xã M2, huyện P3, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2.3 Ông Phạm Hồng D, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp X, thị trấn L4, huyện L4, tỉnh Kiên Giang. (chết ngày 16/4/2022)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D:

2.3.1 Bà Võ Thị Ngọc C, sinh năm 1961, nơi cư trú: ấp XM, thị trấn L4, huyện L4, tỉnh Kiên Giang. (vợ ông D, có đơn xin vắng mặt)

2.3.2 Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp T2, xã B1, huyện L4, tỉnh Kiên Giang. (con ông D, bà C; có đơn xin vắng mặt)

2.3.3 Anh Phạm Hồng Cao C1, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp T2, xã B1, huyện L4, tỉnh Kiên Giang. (con ông D, bà C; có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Bích L4, sinh năm 1984 (vợ ông L3, vắng mặt)

3.2 Cháu Phạm Hồng P2, sinh năm 2007 (con ông L3, vắng mặt)

3.3 Cháu Phạm Hồng T, sinh năm 2012 (con ông L3, vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu P2, cháu T: ông Phạm Hồng L3 – cha ruột. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp H1, xã B, huyện P3, tỉnh An Giang.

3.4 Bà Lê Thị Q, sinh năm 1971 (vợ ông P, vắng mặt)

3.5 Cháu Phạm Tấn T1, sinh năm 2006 (con ông P, vắng mặt)

3.6 Cháu Phạm Thảo N1, sinh năm 2016 (con ông P, vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1, cháu N1: ông Phạm Hồng P- cha ruột. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp H1, xã B, huyện P3, tỉnh An Giang.

3.7 Anh Trương Hoàng N2 (con bà L1), sinh năm 2004; nơi cư trú: ấp H1, xã B, huyện P3, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo: ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1, là các nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn do ông Phạm Văn O đại diện trình bày:*

Các ông bà là con ruột của cụ Lê Thị Nhệ (chết năm 2018) và cụ Phạm Văn Thương (chết năm 2016), tất cả có 11 người con: Phạm Văn O, Phạm Hồng D, Phạm Hồng P1, Phạm Hồng P, Phạm Hồng M, Phạm Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L2, Phạm Hồng L3, Phạm Thị H, Phạm Thị H1.

Khi cha mẹ còn sống có tạo lập được diện tích đất 6327 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04961 ngày 15/9/2014 do UBND huyện Châu Phú cấp cho Lê Thị Nhệ, Phạm Văn Thương (giấy cũ cấp năm 2003 đã được thu hồi).

Cha mẹ chết không để lại di chúc và các anh chị em chưa tiến hành thoả thuận phân chia tài sản. Hiện toàn bộ anh chị em đang cùng nhau quản lý diện tích đất này, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do ông L3 đang giữ. Trên đất hiện 04 căn nhà: bà Phạm Thị Hồng L1, Phạm Hồng P, Phạm Hồng L3, Phạm Thị H; 01 khu mộ gồm 03 cái mộ.

Xác định yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia diện tích đất sau khi khấu trừ diện tích khu mộ 12m x 15m và chiều ngang 02m chiều dài từ đường nhựa vào đến khu mộ để làm lối đi chung cho tất cả anh chị em, con cháu đi vào khu mộ gia đình, làm khu mộ gia đình làm đất hương quả của gia đình, không được quyền bán, tặng cho hay cất nhà, tạm giao cho ông P quản lý sử dụng, đứng tên.

Sau khi khấu trừ diện tích đất trên thì yêu cầu chia phần diện tích đất còn lại thành 11 phần bằng nhau, chia bằng hiện vật, không hoàn giá trị để anh em nào cũng có nơi cất nhà sinh sống. Về vị trí đề nghị chia đất tại vị trí nhà để ổn định.

Đối với các căn nhà trên đất thì không có yêu cầu chia, nhà của ai người đó hưởng. Riêng nhà ông P thì ông đồng ý tháo dỡ di dời nhà đến vị trí đất cặp khu mộ gia đình để thuận tiện quản lý sử dụng chung.

Khoảng năm 2005, ông L3 và vợ ông L3 đi làm ăn xa, chỉ về khi giỗ quảy, đám tiệc, tết mới về, để cha mẹ sống cùng bà H, bà H1 tại nhà của cha mẹ. Sau này mẹ qua sống với bà L1 tại nhà bà L1, cha tiếp tục sống cùng bà H, bà H1, lúc này còn có con của ông L3 gửi giữ ở nhà. Ông L3 không có chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ già, chỉ có ông P và bà H, bà H1 làm chăm sóc phụng dưỡng.

Đến khi cha mẹ chết thì vào khoảng năm 2019 thì ông L3 mới quay về sinh sống tại nhà của cha mẹ, sau đó bà H, bà H1 mới được anh chị em cất cho nhà riêng không còn sống cùng vợ chồng ông L3.

Thời gian qua, ông L3 không có tu bổ, bồi dưỡng cho tăng giá trị nhà đất, chỉ có khi sau này nhà của cha mẹ xuống cấp, ông L3 mới cất lại nhà để tiếp tục ở. Ông L3 không có bồi đắp, tăng giá trị đất. Sau khi Toà án xuống đo đạc định giá thẩm định thì ông L3 có trồng chuối.

Ông L3 không có công trong việc chăm lo cho cha mẹ nên không đồng ý chia cho ông L3 02 phần như ông L3 yêu cầu.

Về chi phí tố tụng, án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Phạm Hồng L3 trình bày:*

Ông xác định cụ Lê Thị Nhệ (chết năm 2018) và cụ Phạm Văn Thương (chết năm 2016), tất cả có 11 người con: Phạm Văn O, Phạm Hồng D, Phạm Hồng P1, Phạm Hồng P, Phạm Hồng M, Phạm Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L2, Phạm Hồng L3, Phạm Thị H, Phạm Thị H1.

Khi cha mẹ còn sống có tạo lập được diện tích đất 6327 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04961 ngày 15/9/2014 do UBND huyện Châu Phú cấp cho Lê Thị Nhệ, Phạm Văn Thương (giấy cũ cấp năm 2003 đã được thu hồi).

Cha mẹ chết không để lại di chúc, ông là con út nên ông sống trong nhà cùng cha mẹ từ nhỏ đến lớn, khi cha mẹ chết thì nhà đất tiếp tục do ông quản lý sử dụng. Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do ông đang giữ. Trên đất hiện 04 căn nhà: bà Phạm Thị Hồng L1, Phạm Hồng P, Phạm Hồng L3, Phạm Thị H; 01 khu mộ gồm 03 cái mộ.

Trong thời gian ông quản lý diện tích đất thì ông cũng có tu bổ, san sửa đất, nhà; cụ thể là ông có sửa nhà với số tiền 150.000.000 đồng, vào năm 2016, cất nhà được 2 tháng thì cụ Thương chết; không có san lấp mặt bằng, tôn tạo đất, ông chỉ có chặt bỏ cây cỏ tạp, không có giá trị, trồng lại cây trồng để thu hoa lợi. Hiện trên mặt đất ông đang trồng chuối, trừ diện tích nhà ra là ông trồng chuối hết diện tích đất. Ông thừa nhận lúc cha mẹ còn sống thì vợ chồng ông có đi làm ăn xa do gia đình

nghèo nên vợ chồng ông không trực tiếp chăm sóc cha mẹ, mà mấy anh chị em ở nhà chăm sóc cha mẹ. Nhưng chính anh chị em cho ông ở quản lý phủ thờ và ông là con út sau này còn chăm lo giỗ, thờ cúng cũng như ông có công tu bổ nhà đất nên nếu chia thừa kế thì ông có ý kiến chia làm 12 phần, trong đó ông hưởng 02 phần, các anh chị em còn lại mỗi người một phần.

Đồng ý chia hiện vật, giao đất cho anh chị em, ưu tiên ổn định nhà gắn liền với đất, trước khi chia là trừ ra diện tích khu mộ là 39m^2 và diện tích lối đi chiều ngang 2m chạy dài từ đường nhựa vào đến khu mộ. Về phần diện tích trừ ra này thì ông thống nhất làm đất hương quả, không được bán, tặng cho và tạm giao cho ông P đứng tên và quản ý sử dụng.

Về vị trí đất thì ông yêu cầu được nhận đất tại vị trí nhà ông đang ở, đề nghị chia đất cho ông liền nhau, không chia nhỏ đất. Đối với cây trồng trên đất thì gắn liền với đất của ai thì người đó được hưởng, ông không có yêu cầu chia cây trồng.

Về chi phí tố tụng, án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo đơn phản hồi ngày 18/9/2019, bị đơn ông Phạm Hồng D trình bày:*

Ông có ý kiến số đất cha mẹ để lại giao cho ông L3 tạm thời canh tác trên phần đất đó để lo cho 02 em gái tật nguyền và lo giỗ cho ông bà tổ tiên và cha mẹ, không phải giao toàn quyền cho ông L3 đứng tên và có quyền tất cả.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Hồng D có đơn xin xét xử vắng mặt: do ông Phạm Hồng D vừa mới mất, mẹ là Võ Thị Ngọc C sức khoẻ không tốt, nhà ở xa, đi lại khó khăn và bận đi làm nên xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Phạm Hồng P1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án số 108/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 50/2022/QĐ-SCBSBA ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Văn O, Phạm Hồng P, Phạm Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L2, Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Hồng M.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 6.327m^2 toạ lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04961 ngày 15/9/2014 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Phạm Văn Thương, cụ Lê Thị Nhệ, tờ bản đồ số 68, số thửa 174, 175. Theo đó:

Bà Phạm Thị Hồng L1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 1 gồm các điểm 8, 9, 10, 11, 12, 13, 26, 25.

Ông Phạm Hồng L3 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 2 gồm các điểm 7, 8, 25, 26, 13, 14, 15, 28, 27.

Bà Phạm Thị H được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 3 gồm các điểm 5, 6, 7, 27, 28, 15, 16.

Ông Phạm Hồng L được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 4 gồm các điểm 4, 5, 16, 17.

Bà Phạm Thị Hồng L2 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 5 gồm các điểm 3, 4, 17, 18.

Ông Phạm Hồng P1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 6 gồm các điểm 2, 3, 18, 19, 33, 32, 29.

Bà Phạm Hồng M được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 7 gồm các điểm 2, 29, 30.

Bà Võ Thị Ngọc C, Phạm Thị Hồng N, Phạm Hồng Cao C1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 8 gồm các điểm 29, 30, 31, 32.

Bà Phạm Thị H1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 9 gồm các điểm 31, 32, 33, 34.

Ông Phạm Văn O được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 10 gồm các điểm 19, 33, 34, 35, 20.

Ông Phạm Hồng P được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 596m^2 tại thửa tạm 11 gồm các điểm 35, 20, 21, 37, 22, 23; trong đó diện tích 557m^2 là phần ông P được chia thừa kế và 39m^2 khu mộ gia đình giao ông P quản lý.

Diện tích 162m^2 tại các điểm 1, 2, 30, 31, 34, 35, 23, 24 là lối đi chung cho các thửa tạm 7, 8, 9, 10, 11 và lối đi vào khu mộ gia đình.

Các thửa tạm và các điểm mốc nêu trên được thể hiện tại bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/6/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú lập.

Các ông bà có quyền liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/7/2022, ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1 có

đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của các nguyên đơn xác định các nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, ông Phạm Văn O và ông Phạm Hồng P thống nhất với bản án sơ thẩm về người thừa kế, kỷ phần phân chia thừa kế nhưng các ông, bà không thống nhất với cách chia quyền sử dụng đất như bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc chia quyền sử dụng đất theo hướng giữ nguyên việc chia của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đối với kỷ phần chia cho bà Phạm Thị Hồng L1 và ông Phạm Hồng L3; đối với kỷ phần chia cho bà Phạm Thị H, đề nghị chỉ chia cho bà H phần đất giáp lộ nhựa ngang 06m; đối với phần mặt tiền còn lại giáp lộ nhựa, đề nghị chia cho 8 kỷ phần thừa kế còn lại mỗi kỷ phần có mặt tiền giáp lộ nhựa 3,5m và xẻ dài cho đến ranh đất phía sau sao cho mỗi kỷ phần vẫn đảm bảo đủ diện tích 557m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện về vụ án và quyết định dành lối đi chung, khu mộ của gia đình theo sự thống nhất của các đương sự và quyết định chia phần diện tích đất còn lại thành 11 kỷ phần bằng nhau cho các thừa kế là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông O đại diện cho các nguyên đơn trình bày không thống nhất với cách chia như sơ thẩm, yêu cầu chia lại theo chiều dọc nhưng qua xem xét bản trích đo hiện trạng khu đất và yêu cầu của ông O, việc chia đất theo chiều dọc sẽ không đảm bảo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1

kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên kháng cáo của các ông, bà là hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã thu thập, xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ và đã xác định đúng hàng thừa kế. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú cũng đã xem xét ý nguyện của các thừa kế về khu mộ của dòng họ cũng như nhu cầu sử dụng đất của các thừa kế để quyết định chia di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất đảm bảo giá trị sử dụng, phù hợp với Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1 kháng cáo yêu cầu chia lại quyền sử dụng đất theo hướng 08 thừa kế đều có mặt tiền tiếp giáp lộ nhựa nhưng mặt tiếp giáp chỉ 3,5m trong khi vẫn đảm bảo mỗi thừa kế vẫn được chia 557m^2 đất là không đảm bảo giá trị sử dụng và không phù hợp với Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1 còn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611, Điều 613, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1.

Giữa nguyên Bản án số 108/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Văn O, Phạm Hồng P, Phạm Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L2, Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Hồng M.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 6.327m^2 toạ lạc tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04961 ngày 15/9/2014 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Phạm Văn Thương, cụ Lê Thị Nhệ, tờ bản đồ số 68, số thửa 174, 175. Theo đó:

Bà Phạm Thị Hồng L1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 1 gồm các điểm 8, 9, 10, 11, 12, 13, 26, 25.

Ông Phạm Hồng L3 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 2 gồm các điểm 7, 8, 25, 26, 13, 14, 15, 28, 27.

Bà Phạm Thị H được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 3 gồm các điểm 5, 6, 7, 27, 28, 15, 16.

Ông Phạm Hồng L được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 4 gồm các điểm 4, 5, 16, 17.

Bà Phạm Thị Hồng L2 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 5 gồm các điểm 3, 4, 17, 18.

Ông Phạm Hồng P1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 6 gồm các điểm 2, 3, 18, 19, 33, 32, 29.

Bà Phạm Hồng M được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 7 gồm các điểm 2, 29, 30.

Bà Võ Thị Ngọc C, Phạm Thị Hồng N, Phạm Hồng Cao C1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 8 gồm các điểm 29, 30, 31, 32.

Bà Phạm Thị H1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 9 gồm các điểm 31, 32, 33, 34.

Ông Phạm Văn O được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 557m^2 tại thửa tạm 10 gồm các điểm 19, 33, 34, 35, 20.

Ông Phạm Hồng P được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 596m^2 tại thửa tạm 11 gồm các điểm 35, 20, 21, 37, 22, 23; trong đó diện tích 557m^2 là phần ông P được chia thừa kế và 39m^2 khu mộ gia đình giao ông P quản lý.

Diện tích 162m^2 tại các điểm 1, 2, 30, 31, 34, 35, 23, 24 là lối đi chung cho các thửa tạm 7, 8, 9, 10, 11 và lối đi vào khu mộ gia đình.

Các thửa tạm và các điểm mốc nêu trên được thể hiện tại bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/6/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Phú lập.

Các ông bà có quyền liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị Ngọc C, Phạm Thị Hồng N, Phạm Hồng Cao C1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn O số tiền 475.000 đồng.

Các ông bà: Phạm Hồng P1, Phạm Hồng P, Phạm Hồng M, Phạm Hồng L, Phạm Thị Hồng L1, Phạm Thị Hồng L2, Phạm Hồng L3, Phạm Thị H, Phạm Thị H1, mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn O số tiền 475.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc C, Phạm Thị Hồng N, Phạm Hồng Cao C1 cùng phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hồng L3, ông Phạm Hồng P1 mỗi người phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn O phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005259 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Phạm Văn O còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hồng P phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005261 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Phạm Hồng P còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Hồng M phải chịu 9.747.500 án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005247 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Hồng M còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H1 phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005248 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị H1 còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005249 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị H còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hồng L phải chịu 9.747.500 án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005260 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Phạm Hồng L còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Hồng L2 phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005262 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị Hồng L2 còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Hồng L1 phải chịu 9.747.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 681.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005263 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị Hồng L1 còn phải nộp 9.066.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn O, ông Phạm Hồng P, ông Phạm Hồng L, bà Phạm Thị Hồng L1, bà Phạm Thị Hồng L2, bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng mỗi người được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số: 0005339, 0005340, 0005341, 0005342, 0005343, 0005344 và số 0005345 cùng ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú (các ông, bà đã nộp xong).

Các phần khác của Bản án sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng